TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH GIA** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2018/ST-DS
Ngày 21-11-2018
"Tranh chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; yêu cầu di dời tài sản trên đất và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIA, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Dương Xuân Tĩnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lương Mạnh Dũng

Ông Đặng Văn Đoán

- Thư ký phiên toà: Ông Triệu Đức Long, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Ông Nông Quý Tạo - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 11/2018/TLST-DS ngày 08 tháng 10 năm 2018 về tranh chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất, yêu cầu di dời tài sản trên đất và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2018/QĐXX-ST ngày 06 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Hoàng Hồng T (tức Hoàng Hồng T1), sinh năm 1956. Địa chỉ: Tổ dân phố số A, thị trấn P, huyện P, tỉnh Gia Lai, vắng mặt. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Lương Thị H. Địa chỉ thôn K, xã V, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là ông Lương Văn C - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Hà Văn B, sinh năm 1971. Địa chỉ: Thôn P, xã V, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- *Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Lộc Thị H, sinh năm 1956, vắng mặt.

2. Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1984, vắng mặt.

3. Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1986, vắng mặt.

4. Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1983, vắng mặt.

Đều có địa chỉ tại: Tổ dân phố số A, thị trấn P, huyện P, tỉnh Gia Lai. Người đại diện theo ủy quyền của những người này là bà Lương Thị H; địa chỉ thôn K, xã V, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

5. Bà Lương Thị H. Địa chỉ thôn K, xã V, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

6. Ông Hà Văn V (bố ông Hà Văn B). Địa chỉ thôn P, xã V, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt. Đại diện theo ủy quyền là ông Hà Thanh P. Địa chỉ thôn K, xã V, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

7. Ông Hoàng Văn L. Địa chỉ thôn B, xã B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

8. Ủy ban nhân dân huyện Bình Gia: Đại diện theo ủy quyền là ông Hoàng Văn C, chức vụ Phó chủ tịch ủy ban nhân dân huyện B. Ông Hoàng Văn C, vắng mặt có lý do. Có mặt ông Trần Nam S, chức vụ Trưởng phòng Tài nguyên và môi trường huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

- *Người làm chứng:* Ông Hoàng Văn P; Hoàng Văn T; Hoàng Văn L. Đều cùng địa chỉ thôn B, xã B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/12/2016 và các đơn khởi kiện bổ sung, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải nguyên đơn ông Hoàng Hồng T và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền bà Lương Thị H thống nhất trình bày: Về nguồn gốc đất tranh chấp là do gia đình ông Hoàng Hồng T canh tác sử dụng từ đời ông, cha để lại, ông Hoàng Hồng T được giao tiếp tục quản lý, sử dụng từ khoảng những năm 1977, 1978, sau đó có một số hộ gia đình bên thôn P, xã V, huyện V, tỉnh Lạng Sơn sang làm nương trồng ngô, sắn tại diện tích đất tranh chấp, trong đó có hộ gia đình Hà Văn B, đến năm 1985 do đất đã hoang hóa thì họ bỏ không làm nữa. Sau khi có chủ trương giao đất, giao rừng gia đình ông Hoàng Hồng T đã làm đơn xin kê khai ngày 18/5/1995, đến ngày 31/5/1995 được giao quyền quản lý và sử dụng đất trồng rừng (gọi là sổ bìa xanh) có số lô 269 diện tích là 14ha theo quyết định số 88 của Ủy ban nhân dân huyện B. Đến năm 1999 ông Hoàng Hồng T được Ủy ban nhân dân huyện B cấp đổi sang thành Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 876505 vào sổ số 0176/QSDĐ/236/QĐUB cấp ngày 01/10/1999 (gọi là bìa đỏ), lúc cấp bìa đỏ này sau khi đo đạc thực tế thì lô 269 chỉ còn diện tích là 11,4ha vẫn có các phía tiếp giáp và hiện trạng như cũ, mục đích sử dụng đất là trồng rừng. Còn diện tích ít hơn so với sổ bìa xanh là do năm 1995 đo bằng phương pháp thủ công, có tính ước lượng, còn đo lại để cấp bìa đỏ năm 1999 là đo bằng máy nên diện tích được chính xác với hiện trạng sử dụng.

Về quá trình sử dụng, thì từ năm 1995 đến năm 1999 gia đình ông Hoàng Hồng T để đất cho cây mọc tự nhiên, giữ nguồn nước để làm ruộng và phủ xanh đồi trọc. Năm 1996 ông Hoàng Hồng T có đi xin cây thông về trồng dọc theo đường giáp ranh với đất thôn P, xã V, huyện V và trong diện tích lô 269 được

giao, nay còn sống 02 cây thông. Ngoài cây thông ra, ông Hoàng Hồng T khẳng định không được trồng cây gì khác trên diện tích đất được giao. Còn hiện nay trên đất tranh chấp có cây hồi, cây sở là do ông Hà Văn B trồng trộm vào đất của ông, ông Hoàng Hồng T cho rằng ông Hà Văn B trồng hồi, sở là trồng sau năm 2000 trở lại đây. Vì năm 1997, 1998 khi ông Hoàng Hồng T lên khu vực đất tranh chấp kiểm tra vẫn chưa có cây hồi, cây sở và gia đình ông vẫn quản lý, sử dụng rừng để lấy củi.

Đến năm 2000 do hoàn cảnh gia đình, ông Hoàng Hồng T cùng vợ, con chuyển vào tỉnh Gia Lai sinh sống, khi đi ông Hoàng Hồng T giao lại đất rừng cho bà Lương Thị H là thiếm dâu quản lý, trông coi hộ. Đến năm 2014 bà Lương Thị H lên kiểm tra rừng thì phát hiện diện tích đất hiện nay đang tranh chấp có các loại cây hồi, cây sở trên đất, sau đó mới biết ông Hà Văn B tự trồng mà bà không biết. Bà Lương Thị H đã yêu cầu thôn, chính quyền hai xã B, huyện B và xã V, huyện V giải quyết, hòa giải nhưng không thành. Ông Hoàng Hồng T cho rằng đất đang tranh chấp thuộc một phần của thửa số 269, bản đồ giao đất, giao rừng của Hạt kiểm lâm huyện B, tỉnh Lạng Sơn năm 1995, có địa danh là đồi Ma Thai (Lùng Cún) thôn B, xã B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, có phía Đông là đỉnh đồi giáp với đất của ông Hà Văn B thôn P, xã V, huyện V; phía Tây, Nam, Bắc tiếp giáp với phần đất còn lại của thửa đất 269 của ông đã được giao đúng quy định của Nhà nước, nên ông khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết đối với ông Hà Văn B về các nội dung sau:

- Yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được quản lý, sử dụng diện tích đất đang tranh chấp theo kết quả đo đạc của Tòa án là 10.083m^2 thuộc một phần lô 269 và các cây tạp mọc tự nhiên hiện có trên đất. Yêu cầu ông Hà Văn B chấm dứt việc tranh chấp diện tích đất là 10.083m^2 thuộc một phần lô 269 thuộc đồi M thôn B, xã B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

- Yêu cầu ông Hà Văn B di dời toàn bộ cây hồi, cây sở do ông Hà Văn B đã trồng trộm trên diện tích đất tranh chấp; đối với 02 cây thông còn sống trên đất tranh chấp ông Hoàng Hồng T không yêu cầu sử dụng mà cho ông Hà Văn B, nhưng cũng phải di rời ra khỏi đất tranh chấp.

Tại các bản tự khai và biên bản lấy lời khai, bị đơn ông Hà Văn B trình bày: Diện tích đất hiện nay có tranh chấp do ông, cha của ông đã sử dụng từ năm 1950 cho đến nay. Quá trình sử dụng bố ông là ông Hà Văn V đã trồng ngô đến năm 1970, sau đó để rừng phát triển tự nhiên lấy củi. Còn từ năm 1985 đến năm 1990 ông Hà Văn B tiếp quản từ ông Hà Văn V và tiếp tục phát quang bảo vệ rừng cho cây mọc tự nhiên. Đến năm 1999 nhà nước có chủ trương giao đất, giao rừng thì ông Hà Văn B đã kê khai, tại quyết định 552 ngày 17/12/1999 Ủy ban nhân dân huyện V đã giao đất, giao rừng cho ông tại lô 57, diện tích 1,5ha theo bản đồ giao đất lâm nghiệp huyện V, có địa danh rừng C, thôn P, xã V, huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

Quá trình sử dụng ông Hà Văn B đã hai lần trồng cây hồi, cụ thể lần đầu năm 1992 trồng khoảng 300 cây hồi; đợt 2 năm 1996 trồng khoảng 400 cây hồi và năm 2000 còn trồng thêm cây sở, cây thông, nay đã to và cây sở đã có hoa.

Nay ông ông Hoàng Hồng T khởi kiện đòi đất, đòi cây ông Hà Văn B không nhất trí toàn bộ yêu cầu khởi kiện bên phía nguyên đơn. Ông Hà Văn B yêu cầu Tòa án giải quyết ông phải được sử dụng đất tranh chấp, cây hồi, cây sở và các cây tạp hiện có trên đất. Trường hợp ông Hoàng Hồng T đòi lại đất rừng thì ông Hà Văn B đồng ý trả đất, nhưng yêu cầu ông Hoàng Hồng T phải trả tiền cây hồi, cây sở, cây thông và các cây tạp hiện có trên đất tranh chấp.

Những người liên quan bên phía nguyên đơn là bà Lộc Thị H, anh Hoàng Văn T, chị Hoàng Thị H, chị Hoàng Thị T (là vợ và các con ông T) đều trình bày có nội dung đúng như trình bày và yêu cầu của ông Hoàng Hồng T.

Người liên quan bên phía bị đơn là ông Hà Văn V (là bố ông B) cũng trình bày có nội dung đúng như trình bày và yêu cầu của ông Hà Văn B.

Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định, tại chỗ và định giá tài sản ngày 22/5/2017, xác định đất tranh chấp thuộc một phần lô 269, tờ bản đồ giao đất, giao rừng của Hạt kiểm lâm huyện B, tỉnh Lạng Sơn, diện tích đất tranh chấp là 10.083m^2 và trên đất có 84 cây hồi; 09 cây sở; 02 cây thông và 660 cây gỗ tạp. Kết quả định giá, về đất là 50.415.000đồng; cây hồi, cây sở là 22.740.000đồng; cây thông là 140.000đồng; cây gỗ tạp là 21.655.000đồng. Tổng cộng là 94.950.000đồng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 07/2017/DS-ST ngày 20/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Bình Gia đã xử cho ông Hoàng Hồng T được quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp và các cây tạp có trên đất. Giao cho ông Hoàng Hồng T được sở hữu, sử dụng các cây hồi, cây sở của ông Hà Văn B trồng, nhưng phải thanh toán tiền trị giá cây hồi, cây sở cho ông Hà Văn B là 22.740.000đồng.

Do các đương sự kháng cáo, tại bản án dân sự phúc thẩm số 35/2018/DS-PT ngày 10/9/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại với lý do đất tranh chấp 10.083m^2 có một phần thuộc tên của ông Hoàng Văn L thôn B, xã B, huyện B theo bản đồ địa chính lâm nghiệp xã B đó là thửa số 786, nhưng Ủy ban nhân dân huyện B chưa làm rõ, xác định được diện tích đất tranh chấp trùng vào thửa số 786 là bao nhiêu mét vuông. Quá trình xét xử phúc thẩm ông Hà Văn B yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Hoàng Hồng T. Đây là các tình tiết mới, cần phải giao hồ sơ để xét xử lại sơ thẩm và đưa ông Hoàng Văn L, Ủy ban nhân dân huyện B tham gia tố tụng mới đúng quy định.

Sau khi Tòa án nhân dân huyện Bình Gia thụ lý lại vụ án. Nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên lời trình bày và tài liệu, chứng cứ đã cung cấp và yêu cầu Tòa án giải quyết các nội dung như nêu ở phần trên.

Đối với ông Hoàng Văn L tại bản tự khai ngày 31/10/2018 và trình bày tại phiên tòa khẳng định đất tranh chấp giữa các bên có diện tích 10.083m^2 không liên quan đến gia đình ông, ông không canh tác, sử dụng. Mà năm 1995 gia đình ông cũng được giao đất rừng để sử dụng, nhưng ở địa điểm khác không trùng lên diện tích đất các bên tranh chấp. Còn việc ông có tên trong thửa đất số 786 thế nào ông không biết, ông

không yêu cầu Tòa án giải quyết đất đang tranh chấp cho ông, còn đất của ông Hoàng Hồng T hay ông Hà Văn B thì ông không rõ.

Ý kiến của đại diện Ủy ban nhân dân huyện B trình bày: Về việc giao đất, giao rừng năm 1995 và cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hoàng Hồng T năm 1999 được thực hiện đúng trình tự, thủ tục, có đăng ký kê khai, khi giao đất thì không có tranh chấp. Ủy ban nhân dân huyện B xác định đất tranh chấp thuộc địa giới hành chính do huyện B quản lý. Nay bị đơn ông Hà Văn B yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Hồng Hồng T, Ủy ban nhân dân huyện đề nghị Tòa án căn cứ tài liệu chứng cứ và quy định của pháp luật để xem xét, giải quyết.

Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản ngày 01/11/2018. Về đất tranh chấp có diện tích là 10.038m^2, xác định đất tranh chấp thuộc một phần lô 269, tờ bản đồ giao đất, giao rừng của Hạt kiểm lâm huyện B, tỉnh Lạng Sơn, có các phía tiếp giáp và độ dài các cạnh đúng như kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 22/5/2017, trị giá của 10.038m^2 đất rừng là 50.415.000đồng. Về cây trên đất, qua kiểm đếm lại chỉ có 69 cây hồi, trị giá là 18.000.000đồng; cây sở có 03 cây, trị giá 330.000đồng. Còn cây thông, cây gỗ tạp vẫn đủ như kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 22/5/2017, trị giá 02 cây thông là 140.000đồng; 660 cây gỗ tạp trị giá là 21.655.000đồng. Tổng giá trị tài sản tranh chấp là 90.540.000đồng.

Tòa án đã tiến hành hòa giải ngày 06/11/2018, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu ông Hà Văn B di dời cây hồi, cây sở, cây thông đi chỗ khác, vì ông Hà Văn B trồng trộm. Ông Hoàng Hồng T không đồng ý mua lại các cây này vì gia đình không có nhu cầu sử dụng và muốn chuyển đổi trồng cây khác hiệu quả kinh tế hơn.

Còn bị đơn ông Hà Văn B đồng ý trả lại đất tranh chấp cho ông Hoàng Hồng T sử dụng, nhưng phải trả tiền cây hồi, cây sở, cây thông và các cây tạp hiện có trên đất tranh chấp là 50.000.000đồng cho ông Hà Văn B, nếu không ông yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Hoàng Hồng T. Tại phiên tòa ông Hà Văn B yêu cầu đòi số tiền cao hơn là 100.000.000đồng.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát có ý kiến: Quá trình tiến hành tố tụng Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; các đương sự được bảo đảm quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng. Về nội dung đề nghị giao đất đang tranh chấp có diện tích 10.038m^2 cho nguyên đơn được quản lý, sử dụng là đúng, có căn cứ pháp luật; không chấp nhận yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Hoàng Hồng T; về các cây tạp trên đất là do tự mọc thuộc đất hợp pháp của ông Hoàng Hồng T nên ông được tiếp tục quản lý, sử dụng; về cây hồi, cây sở do cây đã lớn không thể di dời được, nên giao cho ông Hoàng Hồng T sử dụng và phải thanh toán tiền trị giá cây cho ông Hà Văn B, nhưng do các bên đều có lỗi trong việc tự ý trồng cây, quản lý đất được giao, nên mỗi bên phải tự chịu 1/2 lỗi ứng với trị giá tiền cây hồi, cây sở. Nên chỉ buộc ông Hoàng Hồng T phải trả cho ông Hà Văn B số tiền cây hồi, cây sở bằng 1/2 số tiền theo kết quả định giá tài sản ngày

01/11/2018. Về chi phí thẩm định, định giá tài sản, giám định tuổi cây hồi các bên phải chịu theo quy định; về án phí cần miễn cho các đương sự vì đều là hộ nghèo, hoàn cảnh kinh tế khó khăn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản theo quy định tại khoản 9 Điều 26; Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, Lạng Sơn.

[2] Đối với đất tranh chấp: Qua xem xét thẩm định tại chỗ, trên cơ sở tài liệu, chứng cứ các đương sự cung cấp và Tòa án tiến hành thu thập, xác định nguồn gốc đất tranh chấp trước khi được Nhà nước giao đất, giao rừng thì các hộ dân làm nương trồng ngô, sắn, trong đó có cả hộ ông Hoàng Hồng T và hộ ông Hà Văn B. Đến năm 1995 gia đình ông Hoàng Hồng T và gia đình ông Hà Văn B đều đăng ký, kê khai và được nhà nước cấp cho hai diện tích khác nhau có chung ranh giới trên đường phân thủy giữa hai huyện B và V (đỉnh đồi). Đối với ông Hoàng Hồng T được giao theo Quyết định số 88/QĐ-UB ngày 31/5/1995 của Ủy ban nhân dân huyện B là lô 269, diện tích 14ha, địa danh đồi M (Lùng Cún) thôn B, xã B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Đến ngày 01/10/1999 Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 876505, vào sổ số 0176/QSDĐ/236/QĐUB là lô 269, với diện tích 11,4ha cho ông Hoàng Hồng T tiếp tục quản lý, sử dụng. Căn cứ kết quả thẩm định tại chỗ xác định đất tranh chấp có diện tích 10.038m^2 thuộc một phần lô 269, tờ bản đồ giao đất lâm nghiệp xã B, huyện Bì năm 1999.

[3] Đối với gia đình ông Hà Văn B, theo công văn số 689/UBND-TNMT ngày 22/8/2017 của Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Lạng Sơn, đất rừng của ông Hà Văn B được giao là lô 57, diện tích 1,5ha có địa danh là đồi C, thôn P, xã V, huyện V, được Ủy ban nhân dân huyện V giao cho gia đình ông Hà Văn B quản lý, sử dụng để trồng rừng theo Quyết định số 522/UB-QĐ ngày 17/12/1999; đến ngày 07/12/2000 được Ủy ban nhân dân huyện V cấp đổi là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với lô 57 theo Quyết định số 1275/UB-QĐ ngày 07/12/2000 cho ông Hà Văn B tiếp tục quản lý, sử dụng. Năm 2011 thực hiện đo vẽ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp trên địa bàn huyện V thì lô 57 trước đây của ông Hà Văn B, hiện nay là một phần thửa 388 (Lô 57 đã gộp lại thành thửa 338) có diện tích 29.059m^2 đã được bà Hà Thị E, trú tại thôn L, xã V, huyện V, tỉnh Lạng Sơn kê khai và Ủy ban nhân dân huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 245323, vào sổ số CH 00319 cấp ngày 12/12/2011 cho bà Hà Thị E.

[4] Ông Hà Văn B cho rằng cây hồi trồng năm 1992 đến năm 1996 để khẳng định ông đã sử dụng đất và trồng cây hồi trước năm 1995 khi ông Hoàng Hồng T được giao đất, tuy nhiên tại biên bản lấy mẫu cây hồi để giám định ngày 07/6/2018 ông Hà Văn B yêu cầu cắt cây hồi ông trồng năm 1992 trên đất tranh chấp, nhưng kết quả giám định số 242/CNR-KHTC ngày 05/7/2018 của Viện nghiên cứu công nghiệp rừng thuộc Viện khoa học Lâm nghiệp Việt Nam thể hiện cây hồi được giám định có độ tuổi 11

(đến 12 năm). Do vậy xác định ông Hà Văn Bạo trồng hồi vào năm 2005 hoặc 2006 chứ không phải năm 1992, nên xác định là trồng sau khi ông Hoàng Hồng T đã sử dụng và được giao đất.

[5] Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 01/11/2018 và đối chiếu với bản đồ địa chính lâm nghiệp số 2 đo vẽ năm 2008 của xã B, được nghiệm thu năm 2011; tại công văn số 1367/UBND-TNMT ngày 20/11/2018 của Ủy ban nhân dân huyện B xác định diện tích 10.083m^2 đang tranh chấp nằm trong 2 thửa là thửa số 697 và 786, trong đó thửa 697 có diện tích 2.200m^2, thửa 786 có diện tích 7.883m^2, thửa 697 nằm trong lô 269 đã giao cho ông Hoàng Hồng T từ năm 1995, còn thửa 786 theo sổ mục kê năm 2011 có quy chủ cho ông Hoàng Văn L, nhưng ông Hoàng Văn L không kê khai và cũng chưa được giao cho hộ gia đình nào khác, còn thực tế ông Hoàng Văn L không canh tác, sử dụng diện tích đất này. Nên gia đình ông Hoàng Hồng T đã canh tác sử dụng ổn định thì xem xét giao cho hộ ông Hoàng Hồng T tiếp tục quản lý sử dụng. Diện tích đất tranh chấp là 10.083m^2 thuộc địa giới hành chính huyện B, tỉnh Lạng Sơn quản lý, không thuộc huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

[6] Căn cứ vào nhận định trên, thấy ông Hoàng Hồng T đã sử dụng và kê khai, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rừng đúng quy định, quá trình Ủy ban nhân dân huyện giao đất cho ông Hoàng Hồng T không có khiếu nại, không có tranh chấp. Do vậy không chấp nhận yêu cầu đòi quyền quản lý, sử dụng đất rừng của ông Hà Văn B, đồng thời không chấp nhận yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 01/10/1999 cho ông Hoàng Hồng T. Căn cứ khoản 1 Điều 50, khoản 5 Điều 105 Luật đất đai năm 2003 và khoản 1 Điều 100; khoản 1 Điều 203 Luật đất đai năm 2013, cần công nhận quyền quản lý, sử dụng 10.083m^2 đất rừng đang tranh chấp cho ông Hoàng Hồng T là phù hợp, có căn cứ. Cụ thể có các phía tiếp giáp, độ dài các cạnh như sau: Phía Đông (Đỉnh đồi) tiếp giáp với địa giới quản lý hành chính của huyện V theo dông đồi (Đường phân thủy) có độ dài gấp khúc là 237,23m; phía Tây giáp với đất còn lại thửa 269 có độ dài gấp khúc là 204,44m; phía Nam giáp với phần đất còn lại thửa 269 có độ dài 44m; phía Bắc giáp với phần đất còn lại thửa 269 có độ 27,64m.

[7] Về tài sản là các loại cây trên đất tranh chấp: Các đương sự thống nhất hiện trên đất tranh chấp có cây gỗ tạp mọc tự nhiên, không do ai trồng là 660 cây; còn 69 cây hồi, 03 cây sở các bên cũng thừa nhận do ông Hà Văn B trồng, nên không phải chứng minh; đối với 02 cây thông các bên đều nói được trồng, nhưng ông Hoàng Hồng T không yêu cầu sử dụng cho ông Hà Văn B và yêu cầu di dời ra khỏi đất, nhưng ông Hà Văn B không đồng ý mà yêu cầu được sử dụng đất tranh chấp và toàn bộ các loại cây có trên đất. Hội đồng xét xử thấy, đất đã xác định thuộc quyền quản lý sử dụng của ông Hoàng Hồng Thêm, nên 660 cây gỗ tạp tự mọc trên đất cũng thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Hoàng Hồng Thiêm là phù hợp; đối với 02 cây thông do ông Hoàng Hồng T cho lại ông Hà Văn B nhưng ông không lấy, nên thuộc quyền sử dụng của ông Hoàng Hồng T.

[8] Đối với 69 cây hồi, 03 cây sở xác định thuộc quyền sở hữu của ông Hà Văn B do ông trồng, nhưng trồng trên đất không thuộc quyền sử dụng của mình. Nên ông Hoàng Hoàng T yêu cầu di dời ra khỏi đất tranh chấp là đúng. Nhưng

căn cứ ý kiến của Phòng Nông nghiệp huyện B thì việc di dời cây hồi có đường kính gốc trên 02cm - 10cm, có độ tuổi trên 10 năm và cây sở đường kính gốc từ 5cm - 10cm là không có tính khả thi, cây sẽ chết hoặc sẽ thiệt hại đến hiệu quả của cây. Hơn nữa trị giá đất tranh chấp là 50.415.000đồng, còn trị giá cây hồi, cây sở chỉ có 18.330.000đồng, nên cũng không thể giao đất tranh chấp cho ông Hà Văn B sử dụng để quản lý cây hồi, cây sở của mình. Do vậy cần giao toàn bộ cây hồi, cây sở cho ông Hoàng Hồng T được quản lý, sử dụng và phải thanh toán trị giá cây cho ông Hà Văn B. Theo kết quả định giá tài sản ngày 01/11/2018 thì 69 cây hồi, 03 cây sở là 18.330.000đồng, nhưng do các bên đều có lỗi, cụ thể nguyên đơn được giao đất nhưng không thường xuyên đến thăm nom, chăm sóc rừng để ông Hà Văn B trồng hồi từ những năm 2005, 2006 đến tận năm 2014 bà Lương Thị H (Người được giao quản lý, chăm sóc hộ) là 8 năm mới biết; còn ông Hà Văn B không được giao đất tranh chấp nhưng vẫn tự ý trồng hồi, sở vào đất người khác, nên chỉ buộc ông Hoàng Hồng T phải trả một nửa tiền trị giá cây hồi, cây sở cho ông Hà Văn B với số tiền là 9.165.000đồng là phù hợp.

[9] Về chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản và giám định tuổi cây hồi: Tổng số tiền chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản lần 1 là 3.300.000đồng và lần 2 là 4.750.000đồng, tổng cộng là 8.050.000đồng, đều do nguyên đơn tạm nộp. Căn cứ Điều 158; Điều 161, 165 Bộ luật Tố tụng dân sự do yêu cầu của các bên có phần được chấp nhận, có phần không được chấp nhận. Nên buộc nguyên đơn, bị đơn mỗi bên phải chịu 1/2 số tiền chi phí là 4.025.000đồng; về chi phí giám định tuổi cây hồi với số tiền là 7.000.000đồng, do ông Hà Văn B yêu cầu và tạm nộp tiền chi phí giám định, nhưng kết quả giám định không chứng minh đúng yêu cầu của ông Hà Văn B, nên ông tự phải chịu toàn bộ số tiền chi phí này.

[10] Về án phí: Căn cứ yêu cầu của các đương sự không được chấp nhận thì phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định, cụ thể: Bị đơn ông Hà Văn B không được chấp nhận về đất là 50.415.000đồng + 21.655.000đồng cây gỗ tạp, tổng cộng là 72.070.000đồng x 5% = 3.603.000đồng. Còn nguyên đơn ông Hoàng Hồng T không được chấp nhận việc di dời cây hồi, cây sở và phải thanh toán cho bị đơn số tiền 9.165.000đồng x 5% = 458.000đồng. Nhưng do nguyên đơn, bị đơn đều là hộ nghèo, gia đình có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, tại phiên tòa đều xin được miễn án phí nếu phải chịu. Nên áp dụng khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm nên trên cho ông Hoàng Hồng T và ông Hà Văn B; hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.000.000đồng cho ông Hoàng Hồng T.

[11] Ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên cần xem xét để áp dụng quyết định trong việc giải quyết vụ án.

[12] Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Hoàng Hồng T, tuy nhiên việc yêu cầu di dời cây hồi, cây sở là không thực hiện được, nên phải giao cho ông Hoàng Hồng

T quản lý, sử dụng và thanh toán tiền trị giá cây tính theo lỗi của các bên như nhận định nêu trên.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, Điều 35, khoản 1 Điều 147, Điều 158, 161, 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 11, 105, 115, 166, 169, 189 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 50, khoản 5 Điều 105 Luật đất đai năm 2003 và khoản 1 Điều 100; khoản 1 Điều 203 Luật đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án, xử.

1. Về đất tranh chấp và cây gỗ tạp trên đất:

- Nguyên đơn ông Hoàng Hồng T (tức T1) được quyền quản lý, sử dụng diện tích 10.038m^2 đất trồng rừng, nằm trong thửa đất số 269, tờ bản đồ đất Lâm nghiệp năm 1999 của xã B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 876505 vào sổ số 0176/QSDĐ/236/QĐUB cấp ngày 01/10/1999 của Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn cho ông Hoàng Hồng T (tức T1). Hiện trạng đất có các phía tiếp giáp, độ dài các cạnh như sau:

Phía Đông (Đỉnh đồi) tiếp giáp với địa giới quản lý hành chính của huyện V theo dông đồi (Đường phân thủy) có độ dài gấp khúc là 237,23m;

Phía Tây giáp với đất còn lại thửa 269 có độ dài gấp khúc là 204,44m;

Phía Nam giáp với phần đất còn lại thửa 269 có độ dài 44m;

Phía Bắc giáp với phần đất còn lại thửa 269 có độ 27,64m (Kèm theo sơ họa đất tranh chấp đề ngày 22/5/2017).

- Nguyên đơn ông Hoàng Hồng T được sở hữu, sử dụng 660 (Sáu trăm sáu mươi) cây gỗ tạp nằm trong diện tích 10.038m^2 đất rừng được sử dụng nêu trên, trong đó có 485 cây đường kính gốc từ 5cm - 10cm, 130 cây cây đường kính gốc từ trên 10cm - 20cm, 45 cây cây đường kính gốc từ trên 20cm - 30cm.

- Không chấp nhận yêu cầu của bị đơn ông Hà Văn B đòi được quyền quản lý và sử dụng diện tích 10.038m^2 và toàn bộ 660 (Sáu trăm sáu mươi) cây gỗ tạp đã giao cho ông Hoàng Hồng T; không chấp nhận yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 876505 vào sổ số 0176/QSDĐ/236/QĐUB cấp ngày 01/10/1999 của Ủy ban nhân dân huyện B cho ông Hoàng Hồng T đối với diện tích 10.038m^2.

- Buộc bị đơn ông Hà Văn B phải chấm dứt mọi hành vi tranh chấp, cản trở quyền sử dụng đối với đất và cây gỗ tạp trên đất đã thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông Hoàng Hồng T.

2. Về cây hồi, cây sở, cây thông trên đất: Không chấp nhận yêu cầu di dời cây hồi, cây sở của nguyên đơn ông Hoàng Hồng T. Giao cho ông Hoàng Hồng T

được quản lý và sở hữu, sử dụng 69 cây hồi, 03 cây sở, 02 cây thông, nhưng ông Hoàng Hồng T phải thanh toán trả cho ông Hà Văn B trị giá cây hồi, cây sở là 9.165.000đồng (Chín triệu một trăm sáu mươi năm nghìn đồng).

3. Về chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản: Buộc ông Hoàng Hồng T và ông Hà Văn B mỗi người phải chịu 4.025.000đồng (Bốn triệu không trăm hai mươi năm nghìn đồng) tiền chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản. Xác nhận ông Hoàng Hồng T đã nộp số tiền chi phí là 8.050.000đồng (Tám triệu không trăm năm mươi nghìn đồng), nên ông Hà Văn B phải thanh toán trả cho ông Hoàng Hồng T số tiền là 4.025.000đồng (Bốn triệu không trăm hai mươi năm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu của bên được trả tiền, nếu bên phải trả tiền chưa trả được, thì còn phải chịu lãi chậm trả tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo quy định tại tại khoản 1 và 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về chi phí giám định tuổi cây hồi: Buộc ông Hà Văn B phải chịu 7.000.000đồng (Bảy triệu đồng) tiền chi phí giám định, xác nhận ông Hà Văn B đã nộp đủ số tiền này.

5. Về án phí: Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông Hoàng Hồng T và ông Hà Văn B. Hoàn trả lại cho ông Hoàng Hồng T số tiền tạm ứng án phí 1.000.000đồng (Một triệu đồng) đã nộp theo biên lai thu số AA/2012/02322 ngày 09/01/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt là ông Hoàng Hồng T, bà Lộc Thị H, ông Hà Văn V, anh Hoàng Văn T, chị Hoàng Thị H, Hoàng Thị T được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo luật định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Toà án tỉnh Lạng Sơn;
- VKS ND H Bình Gia, T Lạng Sơn;
- CC.THADS H Bình Gia, T Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu HS + Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký và đóng dấu)

Dương Xuân Tĩnh